

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ5 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302103 - Thi t k X^a y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010588	35CCĐ5	Tr ng C»ng	Anh	07/08/1992	6.0						6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	N HP
2	3571010593	35CCĐ5	ñ @ Quang	Bình	01/05/1993	5.0						5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
3	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ã ãnh	Chung	11/09/1992	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
4	3571010932	35CCĐ5	H Ti n	Đi ¼g	24/10/1993	5.0						5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
5	3571010578	35CCĐ5	Tr n T n	ñ t	07/02/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
6	3571010524	35CCĐ5	Nguy n H i	ñ Ñg	27/01/1993	5.0						5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
7	3571010591	35CCĐ5	Phan Th ng	ñ ng	25/02/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
8	3571010618	35CCĐ5	Tr n VÑñ	ñ c	09/11/1993	6.0						6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	N HP
9	3571011214	35CCĐ5	D ng Ng ^a n	Giang	27/12/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
10	3571010532	35CCĐ5	Tr n Nguy n H u	H o	15/10/1993	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
11	3571010614	35CCĐ5	B ¼i Ng c	Hoàng	12/12/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
12	3571011185	35CCĐ5	Tr n VÑñ	Hôn	16/07/1993	4.0						4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	N HP
13	3571011206	35CCĐ5	Tri u VÑñ	H u	25/03/1992	5.0						5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
14	3571011173	35CCĐ5	Nguy n Phi	Kh ng	22/05/1993	5.0						5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
15	3571011203	35CCĐ5	V ½Th	Kh ng	07/03/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
16	3571010492	35CCĐ5	Tr n Thanh	Liêm	09/08/1993	6.0						6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
17	3571011187	35CCĐ5	Phan VÑñ	L c	04/03/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
18	3571011054	35CCĐ5	Nguy n Vi t	Nghiêm	03/05/1993	2.0						2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	N HP
19	3571010624	35CCĐ5	Ph m VÑñ	Ngh ¼	02/03/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ5 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302103 - Thi t k X ấ y d ấ ng C ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010931	35CCĐ5	V ấ ấ nh Nguy ấ n	19/05/1992	5.0						5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	N HP
21	3571011002	35CCĐ5	L 2 Qu c Nh t	10/01/1991	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3571011184	35CCĐ5	L 2 H ng Phong	20/09/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
23	3571011613	35CCĐ5	L u Thanh Phong	01/01/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
24	3571011026	35CCĐ5	Nguy n Thanh Phong	06/08/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP-
25	3571010539	35CCĐ5	Ti ấ u Thanh Sang	13/10/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
26	3571011207	35CCĐ5	Nguy n Th Tài	30/08/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	N HP
27	3571010463	35CCĐ5	Nguy n ấ c Tâm	14/09/1993	7.0						7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
28	3571010622	35CCĐ5	L ấ ấ c Ti n	24/09/1992	6.0						6.0	1.8	1.5	1.1	2.9	
29	3571011177	35CCĐ5	Nguy n Ti n	02/02/1993	5.0						5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
30	3571010552	35CCĐ5	Nguy n Trung Thành	18/07/1992	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
31	3571010495	35CCĐ5	Nguy n Kim Thân	22/06/1992	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3571010520	35CCĐ5	Th ấ Do ấ n Thông	14/09/1993	5.0						5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	N HP
33	3571011350	35CCĐ5	Nguy n Tri u	11/01/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	N HP
34	3571010574	35CCĐ5	ấ Minh Trí	06/02/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
35	3571011153	35CCĐ5	L ấ Thanh Tr ng	23/02/1993	5.0						5.0	1.5	9.0	6.3	7.8	
36	3571011022	35CCĐ5	Nguy n V ấ Nh Tr ng	14/12/1992	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
37	3571011204	35CCĐ5	Mai Xu ấ n V ấ O	29/05/1993	6.0						6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	

T ñg s : 37 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa